

Số: 81/2016/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
(Kỳ họp HĐQT Quý III/2016)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Quốc hội XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được bổ sung sửa đổi ngày 28/4/2016;
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 21/7/2016 đã được các thành viên dự họp nhất trí thông qua,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 thống nhất thông qua các nội dung sau:

I. Thông qua báo cáo thực hiện SXKD quý II, 6 tháng đầu năm 2016

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu SXKD quý II năm 2016

TT	Nội dung	ĐVT	KHSXKD quý II	Thực hiện quý II	Tỷ lệ % HT
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	224.817	179.525	80
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	210.370	142.857	68
2	Giá trị SX công nghiệp	"	10.447	9.946	95
3	Giá trị kinh doanh khác	"	4.000	26.721	
II	Các chỉ tiêu tài chính	"			
1	Doanh số	"	250.037	138.935	56
2	Doanh thu	"	225.037	129.660	58
3	Tiền về tài khoản	"	150.000	128.706	86
4	Nộp Nhà nước	"	14.637	6.446	44
5	Lợi nhuận				
	Lợi nhuận trước thuế	"	12.000	9.903	83
	Lợi nhuận sau thuế	"	9.600	9.903	103
6	Tỷ suất lợi nhuận				
-	LN trước thuế/ Doanh thu	%	5,3	7,6	155
-	LN sau thuế/ VCSH	%	1,6	1,6	123
-	LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,7	0,8	133
7	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	609.311	609.031	101
8	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	305.663	305.663	100
9	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.386.962	1.304.896	94
10	Hệ số nợ phải trả/VCSH	10 ⁶ đ	1,28	1,14	89
11	Thu nhập bq/1CBCNV/tháng	10 ⁶ đ	7.596	7.531	96
III	Kế hoạch đầu tư	10 ⁶ đ	23.649	3.641	15

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu 6 tháng đầu năm 2016

TT	Nội dung	ĐVT	KHSXKD Năm 2016	Thực hiện 6 tháng	Tỷ lệ % HTKHN
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	1.120.000	281.703	25
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	1.026.000	229.089	22
2	Giá trị SX công nghiệp	“	44.000	20.035	46
3	Giá trị kinh doanh khác	“	50.000	32.578	65
II	Các chỉ tiêu tài chính	“			
1	Doanh số	“	1.150.000	217.605	19
2	Doanh thu	“	1.046.400	202.413	19
3	Tiền về tài khoản	“	1.140.000	233.645	20
4	Nộp Nhà nước	“	52.900	11.694	22
5	Lợi nhuận				
	Lợi nhuận trước thuế	“	70.000	17.105	24
	Lợi nhuận sau thuế	“	56.000	15.433	28
6	Tỷ suất lợi nhuận				
-	<i>LN trước thuế/ Doanh thu</i>	%	6,7	8,5	127
-	<i>LN sau thuế/ VCSH</i>	%	8,6	2,5	29
-	<i>LN sau thuế/Tổng tài sản</i>	%	3,4	1,2	35
7	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	650.287	609.031	94
8	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	342.342	305.663	
9	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.623.300	1.304.896	80
10	Hệ số nợ phải trả/VCSH	10 ⁶ đ	1,5	1,14	76
11	Thu nhập bq/1CBCNV/tháng	10 ⁶ đ	7.880	7.876	100
III	Kế hoạch đầu tư	10 ⁶ đ	276.334	17.657	6

II. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III, 6 tháng cuối năm 2013:

1. Các chỉ tiêu kinh tế chính:

TT	Nội dung	ĐVT	KHSXKD 6 tháng cuối năm	KHSXKD Quý III
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	838.296	336.821
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁶ đ	805.271	315.859
2	Giá trị SX công nghiệp	“	23.225	12.061
3	Giá trị kinh doanh khác	“	9.800	8.900
II	Các chỉ tiêu tài chính	“		
1	Doanh số	“	932.394	432.625
2	Doanh thu	“	847.630	393.296
3	Tiền về tài khoản	“	885.774	410.994
4	Nộp Nhà nước	“	41.205	20.602
5	Lợi nhuận			
	Lợi nhuận trước thuế	“	53.890	12.680

TT	Nội dung	ĐVT	KHSXKD 6 tháng cuối năm	KHSXKD Quý III
	Lợi nhuận sau thuế	“	43.213	10.144
6	Tỷ suất lợi nhuận			
-	LN trước thuế/ Doanh thu	%	6,2	3,2
-	LN sau thuế/ VCSH	%	6,5	1,6
-	LN sau thuế/Tổng tài sản	%	2,6	0,7
7	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	651.343	619.175
8	Vốn điều lệ công ty mẹ	10 ⁶ đ	342.342	342.342
9	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.623.300	1.509.387
10	Hệ số nợ phải trả/VCSH	Lần	1,49	1,44
11	Thu nhập bq 1CBCNV/tháng	10 ³ đ	7.735	7.794
III	Kế hoạch đầu tư	10⁶đ	227.066	55.948
1	Đầu tư mở rộng SXKD		139.352	44.914
2	Đầu tư nâng cao năng lực thi công		87.714	11.034

2. Mục tiêu tiến độ chính trên các công trường

2.1. Mục tiêu quý III

2.1.1. Thủy điện Nậm Nghiệp I: Đổ bê tông RCC đập chính đến CĐ 190,0 ngày 30/09/2016, KL: 209.300 m³; Thi công bê tông GERV đập chính đến 30/9/2016, KL: 1.650 m³.

2.1.2. Thủy điện Nậm Theun 1: Hoàn thành thi công đường AL3, AL4; Đào đất đá CNN đến CĐ 240 ngày 30/9/2016, KL: 275.900 m³.

2.1.3. Thủy điện Sơn La: Hoàn thành toàn bộ công việc theo Hợp đồng các gói thầu BL02, BL03 trước 31/7/2016.

2.1.4. Thủy điện Đăk Mi II: Gói 18 + 23: Hoàn thành thi công cầu, ngầm tràn liên hợp trước ngày 20/9/2016. Hoàn thành toàn bộ gói thầu ngày 30/9/2016; Hoàn thành công tác đào đắp đất đá Gói 24 trước ngày 15/9/2016.

2.1.5. Thủy điện Lai Châu: Hoàn thành gói thầu TL127 ngày 30/9/2016.

2.1.6. Thủy điện Nậm Mu 2: Hoàn thiện thi công đắp đá mặt đường và xây rãnh trước ngày 15/7/2016;

2.1.7. Đường nội bộ Nam An Khánh: Hoàn thành công tác bê tông cống hộp xong trước ngày 16/7/2016; Hoàn thiện bàn giao toàn bộ công trình trước 31/7/2016.

2.1.8. Thủy điện PaKe:

➤ Công tác thiết kế:

- Hoàn thành lập TKKT trước ngày 15/8/2016, trình phê duyệt xong trước ngày 31/8/2016.

➤ Hệ thống đường thi công:

- Đường VH1: Hoàn thành công tác đào đắp ngày 30/09/2016, KL: 500 md.

- Thi công các tuyến đường khác đến 30/09/2016, KL: 2,5km.

➤ Lán trại, phụ trợ:

- Khu quản lý vận hành và lán trại: Hoàn thiện phần xây dựng, lắp đặt ngày 30/09/2016, KL: 8 gian nhà QLVH và 24 gian lán trại nhà thầu.
- Kho mìn 8T: Hoàn thiện phần xây dựng, lắp đặt ngày 31/08/2016, KL: 500 m².
- Cơ sở phụ trợ phục vụ thi công (Trạm nghiên, trạm trộn, bãi gia công cốt pha, cốt thép): Hoàn thành san nền các cơ sở phụ trợ ngày 30/09/2016, KL: 21.000 m³; Hoàn thiện hệ thống cấp điện, cấp nước ngày 30/09/2016; Đào đất, đá ngày 15/09/2016, KL: 62.450 m³; Đắp đất, đá ngày 15/09/2016, KL: 61.670 m³; Phần xây dựng, lắp đặt bắt đầu ngày 16/09/2016 -:- 30/09/2016, KL: 6.750 m²; Hoàn thiện hệ thống cấp điện, cấp nước ngày 30/09/2016.

2.2. Mục tiêu 6 tháng cuối năm:

2.2.1. Thủy điện Nậm Nghiệp I: Đổ bê tông RCC đập chính đến CĐ 208,0 ngày 31/12/2016, KL: 506.120 m³

2.2.2. Thủy điện Nậm Theun 1: Đào đất đá HM Vai trái đến CDD, HM CNN đến CĐ 240, KL: 682.840 m³; Đào đất đá HM Nhà máy, KL: 663.000 m³.

2.2.3. Thủy điện Sơn La: Hoàn thành toàn bộ công việc theo Hợp đồng các gói thầu BL02, BL03 trước 31/7/2016.

2.2.4. Thủy điện Đăk Mi II: Hoàn thành bàn giao toàn bộ gói thầu 24.

2.2.5. Thủy điện PaKe:

➤ Công tác thiết kế:

- Hoàn thành thủ tục lựa chọn nhà thầu các gói thầu: Thỏa thuận phương án phòng chống cháy nổ; hiệu chỉnh, thỏa thuận và lập phương án đấu nối đường dây 110KV; thiết kế và cung cấp lắp đặt hệ thống thông tin liên lạc (SCADA); lắp đặt thiết bị quan trắc; mô tả địa chất hồ móng; khảo sát thiết kế kỹ thuật bản vẽ thi công đường dây 110KV; cung cấp, vận chuyển, lắp đặt thiết bị đập tràn, thiết bị cửa nhận nước, thiết bị đường ống áp lực, dẫn dòng thi công (khe van + tời điện) và thiết bị kênh dẫn ra nhà máy; cung cấp các thiết bị cơ điện của nhà máy (bao gồm cả cầu trục gian máy); kiểm định chất lượng công trình theo yêu cầu của chủ đầu tư.

➤ Công tác thi công:

- Hoàn thành đào hồ móng Vai trái, Vai phải và Cống dẫn dòng trước ngày 31/10/2016; Hoàn thành công tác bê tông công dẫn dòng trước ngày 31/12/2016; Hoàn thành các hạng mục công trình liên quan để đảm bảo mục tiêu ngăn sông trong tháng 1/2017.

3. Các giải pháp để hoàn thành:

3.1. Công tác tiếp thị đấu thầu, thị trường:

- Ban Tổng giám đốc cử 01 cán bộ chủ trì công tác tiếp thị đấu thầu;
- Lựa chọn cán bộ và kiện toàn nhân sự phòng Dự án đấu thầu đảm bảo đủ năng lực lập hồ sơ dự án và hồ sơ đấu thầu theo yêu cầu trong nước và Quốc tế;
- Phân cấp cho các đơn vị về giá trị và phạm vi gói thầu để các đơn vị chủ động tiếp thị tìm kiếm việc làm;

- Xây dựng và quảng bá thương hiệu Sông Đà để nâng cao vị thế và uy tín của đơn vị;
- Thực hiện kế hoạch phát triển thị trường, cụ thể như sau: Tiếp thị các dự án nhiệt điện lớn có yếu tố nước ngoài; Đấu thầu và làm tổng thầu các dự án thủy điện vừa và nhỏ trong nước và nước ngoài; Thi công mở rộng ngành nghề như xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng công trình; Thi công các công trình đường giao thông với tính chất nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ phù hợp với năng lực của đơn vị hoặc liên danh; Đấu thầu các dự án về môi trường, biến đổi khí hậu có nguồn vốn nước ngoài như WB, JK, ODA... Đấu thầu các dự án thủy lợi của Bộ NNPT Nông thôn hoặc các tỉnh.

3.2. Công tác tổ chức sản xuất.

- Triển khai sắp xếp lại bộ máy tổ chức sản xuất của các đơn vị trực thuộc phù hợp với tình hình nhiệm vụ SXKD của Công ty theo đề án tái cấu trúc doanh nghiệp;
- Xây dựng mô hình khoán đội áp dụng cho gói thầu đơn lẻ và những hạng mục công trình với giá trị tương thích để hạch toán độc lập;
- Thực hiện triệt để công tác định biên lại bộ máy cán bộ làm công tác chuyên môn nghiệp vụ của Cơ quan Công ty và các đơn vị;
- Mở các lớp đào tạo nâng cao nghiệp vụ, các lớp đào tạo ngắn hạn: Đào tạo giám đốc an toàn, đào tạo ngoại ngữ cho cán bộ chủ chốt.

3.3. Công tác cơ giới - vật tư

- Chấn chỉnh kiểm tra, giám sát công tác bảo quản bảo dưỡng xe, máy. Thực hiện vận hành và bảo dưỡng kỹ thuật đúng quy trình quy phạm;
- Phân loại, tổ chức sửa chữa xe máy thiết bị có khả năng sử dụng hiệu quả để chuẩn bị tốt cho công tác sản xuất; tiếp tục thanh lý thiết bị, xe máy cũ hỏng để thu hồi vốn phục vụ SXKD;
- Quán triệt các đơn vị áp dụng triệt để phần mềm quản lý cơ giới trong toàn Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyết toán nhiên liệu, việc sử dụng vật tư phụ tùng ở các đơn vị theo định kỳ tháng, quý, năm;
- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm và lập kế hoạch dự trữ vật tư trên cơ sở tổng hợp số liệu cập nhật 5 năm gần nhất cho từng loại công trình để lập kế hoạch vật tư phụ tùng cho sát với thực tế, tránh việc giá trị tồn kho lớn;
- Trên cơ sở kết nối với các nhà cung cấp, xây dựng mô hình tổng kho ảo dựa trên khả năng cung ứng của các nhà cung cấp chiến lược để thuận lợi trong việc cấp vật tư phụ tùng phù hợp với nhu cầu sản xuất của từng công trường;

- Cơ cấu lại sơ đồ bố trí máy và tỷ lệ các loại thiết bị đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề (các thiết bị đáp ứng ngành xây dựng giao thông, thủy lợi được liên kết để sử dụng phù hợp từ các đối tác chiến lược).

3.4. Công tác kỹ thuật công nghệ, an toàn.

- Giải quyết các vướng mắc với Chủ đầu tư về thiết kế, biện pháp thi công; đôn đốc cung cấp thiết kế kịp thời các công trình;
- Tập trung lực lượng làm công tác quyết toán, bàn giao các công trình đã thi công xong;
- Quản lý tốt công tác an toàn trên các công trường Công ty tham gia thi công;
- Áp dụng triệt để mô hình quản lý tiến độ, khối lượng và mô phỏng về hiện trạng thi công các công trình trên cơ sở ứng dụng các phần mềm quản lý dự án Primavera, Project.
- Tuyển dụng hoặc đào tạo tổ giám đốc an toàn các công trình theo mô hình hợp đồng tổng thầu EPC với Chủ đầu tư nước ngoài;
- Áp dụng việc quản lý trực tuyến các công trình do Công ty đầu tư.

3.5. Công tác kinh tế- chiến lược.

- Ban Tổng giám đốc phân cấp rõ về thẩm quyền ký kết các hợp đồng giữa Công ty và Ban quản lý Pa Ke đối với các nội dung liên quan đến dự án thủy điện Pa Ke;
- Giao nhiệm vụ cụ thể từng hạng mục công việc của dự án thủy điện PaKe cho các đơn vị trực thuộc thi công để đảm bảo tiến độ của dự án;
- Áp dụng phương pháp phân tích và quản lý công trình đối với các gói thầu thi công theo mô hình khoán quản;
- Xây dựng hệ thống kiểm soát, điều chỉnh định mức nội bộ của Công ty;
- Tích lũy kinh nghiệm trong thương thảo, đàm phán ký kết và thực hiện các hợp đồng có yếu tố nước ngoài;
- Tập trung công tác quản lý đối với các đơn vị nội bộ;
- Giải quyết dứt điểm các vướng mắc kinh tế tại công trình thi công; tập trung cho công tác quyết toán các công trình đã thi công xong;
- Cảnh báo sớm phục vụ công tác đấu thầu;
- Phân loại tổ hợp thiết bị theo mức và giá trị khấu hao để áp dụng vào việc lập đơn giá đấu thầu phù hợp;
- Xây dựng bộ tiêu chuẩn và quy trình trong công tác thương thảo, đàm phán, ký kết hợp đồng kinh tế và hướng dẫn, đào tạo cho cán bộ chuyên ngành;
- Cử cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ đi học các lớp đào tạo chuyên sâu.

3.6. Công tác tài chính, tín dụng.

- Hoàn thành việc ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn, hợp đồng tài trợ vốn dự án thủy điện Pa Ke;
- Giải quyết dứt điểm các tồn tại về công nợ, dở dang tại Xekaman1, Xekaman.3, gửi văn bản đến Tổng công ty và Chủ đầu tư để giải quyết kịp thời.
- Cân đối dòng tiền và xử lý các tồn tại dứt điểm về tài chính, cần đưa ra lộ trình cụ thể; Tập trung thu hồi vốn và công nợ, giải quyết dứt điểm các công trình đồng thời đôn đốc thu hồi tạm ứng cá nhân đã đến hạn và quá hạn để tập trung nguồn vốn trả nợ Ngân hàng, khách hàng và thực hiện chế độ cho người lao động;
- Cân đối, thu xếp đủ vốn và kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty;
- Xây dựng kế hoạch và biện pháp chi tiết để tập trung thu hồi vốn, thu hồi công nợ, nhất là công nợ khó đòi, dây dưa kéo dài đã nhiều năm;
- Cân đối trả nợ kịp thời các khoản nợ của các tổ chức tín dụng; Phân tích đánh giá đúng hoạt động kinh tế của các đơn vị;
- Thực hiện công tác thoái vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác.

3.7. Công tác đầu tư.

- Đầu tư đảm bảo năng lực cốt lõi; Đầu tư xe, máy thiết bị để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh hiện tại của đơn vị;
- Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng dự án thủy điện PaKe đảm bảo đưa vào khai thác đúng tiến độ kế hoạch, yêu cầu phải làm vượt mục tiêu tiến độ đề ra và đảm bảo gắn sông vào tháng 1/2017.
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính;
- Trên cơ sở kế hoạch SXKD và định hướng phương án tiếp thị mở rộng ngành nghề, cân đối nhu cầu thực tế và tương lai để lập phương án liên kết, thực hiện danh mục đầu tư có tính kết nối giữa Công ty với các đối tác truyền thống nhằm mục đích tăng năng lực thiết bị thi công và giảm chi phí đầu tư.

3.8. Công tác Pháp chế và Quản trị rủi ro.

- Hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định, hướng dẫn về quản lý rủi ro; kiện toàn tổ chức, bộ máy quản lý rủi ro của đơn vị; nghiên cứu, xây dựng khung tiêu chuẩn quản lý rủi ro; nâng cao chất lượng đánh giá tuân thủ doanh nghiệp và chất lượng kiểm tra;
- Báo cáo công tác Quản trị rủi ro, nhận diện rủi ro dự án thủy điện Pa Ke trình Tổng công ty theo quy định.
- Không ngừng nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro; Tăng cường công tác thẩm định rủi ro trong mọi lĩnh vực SXKD của đơn vị Rà soát hoàn thiện và xây

dựng các quy chế quản lý nội bộ của đơn vị đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị; Tổ chức nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, quản lý và cập nhật hệ thống văn bản quy chế của đơn vị;

- Thường xuyên cập nhật những văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành để kịp thời thông báo tới công ty và các đơn vị trực thuộc.

III. Nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng quản trị công ty quý III, 6 tháng cuối năm 2016:

1. Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các đơn vị thực hiện các giải pháp hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh quý III, 6 tháng cuối năm 2016;

2. Chỉ đạo thực hiện xong việc chi trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu;

3. Tổ chức tốt lễ kỉ niệm 55 năm ngày thành lập Công ty (20/7/1961- 20/7/2016) và đón nhận Huân chương độc lập Hạng nhất, đảm bảo trang trọng, tiết kiệm;

4. Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và lãnh đạo các đơn vị xây dựng định hướng chiến lược SXKD hiệu chỉnh giai đoạn 2017- 2020, định hướng chủ đạo công việc phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và điều kiện thực tế;

5. Chỉ đạo Người đại diện vốn của Công ty tại các đơn vị và Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện công tác thoái vốn các khoản đầu tư tài chính tại Công ty CP Tây Đô và một số đơn vị khác;

6. Chỉ đạo hoàn thiện các thủ tục pháp lý và triển khai thực hiện dự án thủy điện PaKe đảm bảo đúng tiến độ đã đề ra.

7. Chỉ đạo sắp xếp lại bộ máy tổ chức của đơn vị đảm bảo tinh gọn, hiệu quả phù hợp với tình hình công việc và chiến lược SXKD của Công ty.

8. Chỉ đạo đơn đốc thu hồi vốn và công nợ, lành mạnh hóa tài chính của Công ty.

Điều 2. Hội đồng quản trị công ty giao cho Tổng giám đốc công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

Điều 3. Quyết nghị này có hiệu lực kể từ ký, Tổng giám đốc công ty cổ phần Sông Đà 9, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Trưởng các phòng ban Công ty theo thẩm quyền căn cứ quyết nghị thực hiện.

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT:

Ông: *Trần Thế Quang*.....

Ông: *Lê Công Tinh*.....

Ông: *Nguyễn Văn Đại*.....

Ông: *Nguyễn Gia Hân*.....

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chủ tịch
Nguyễn Hoàng Cường